| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 01 - 2026
*v/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Minh Ngà.
*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Thu Hà và bà Vũ Thị Thanh
***- Thư ký phiên tòa:*** ông Hà Trung Nghĩa – Thư ký viên
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 –Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/01/2026, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2026, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Vũ Thị H, sinh năm 1985; nơi thường trú: khu E, phường P, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt, có đơn xử án vắng mặt.

-Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi thường trú khu E, phường P, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày nội dung như sau:

- Về tình cảm: chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10/03/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xóm E, xã P, huyện Y. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc không cùng chị xây dựng kinh tế gia đình, một mình chị lo kinh tế nên cuộc sống chung rất mệt mỏi và đã phát sinh những bất đồng từ đó. Giữa hai người dần không còn tiếng nói chung, không còn tình cảm, chị đã về N (bên ngoại) sinh sống, chị và anh T sống ly thân 01 năm nay, chị xác định chị và anh T mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không hòa giải đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

-Về con chung: chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị T1 - sinh ngày 22/6/2007, Nguyễn Văn T2 - sinh ngày 12/7/2011 và Nguyễn Văn T3 - sinh ngày 07/01/2015; con Nguyễn Thị T1 đã đủ 18 tuổi, đã đi làm không yêu cầu giải quyết, còn hai con T2 và T3, chị đề nghị nuôi con Nguyễn Văn T3, anh T nuôi con Nguyễn Văn T2 để không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

-Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh T không có tài sản chung; không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: anh Nguyễn Văn T vắng mặt, nên không có quan điểm.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều không có mặt, vì vậy không tiến hành được việc hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hồ sơ vụ án còn có tài liệu: Biên bản ghi lời khai của các con Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T3, con Nguyễn Văn T2 có nguyện vọng được ở cùng bố, cong Nguyễn Văn T3 có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Biên bản xác minh ngày 26/12/2025 tại khu E, phường P, tỉnh Quảng Ninh, có nội dung: chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký thường trú tại khu E, phường P, tỉnh Quảng Ninh, anh chị có 03 người con, con lớn đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường; về tình trạng hôn nhân của chị H và anh T không biết mức độ mâu thuẫn hay nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu nhưng một năm nay chị H đã về bên ngoại sinh sống, anh T vẫn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú cùng bố, anh T làm công việc theo tàu đánh cá nên thường xuyên vắng nhà. Đơn xin xác nhận của chị H, có nội dung xác nhận: quá trình sinh sống tại địa phương chị H và anh T không vi phạm pháp luật, cả 02 người không bị hạn chế quyền nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện viện kiểm sát xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T, giao cho chị Vũ Thị H quyền trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T3, giao cho anh Nguyễn Văn T quyền trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T2 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Nguyễn Văn T cư trú tại khu E, phường P, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị H đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2025.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn xử án vắng mặt; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về tình cảm: chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2006 tại UBND xã P nay là phường P tỉnh Quảng Ninh, hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị H do anh T không có trách nhiệm cùng chị chăm lo xây dựng kinh tế gia đình, giữa chị H và anh T không có sự chia sẻ, thông cảm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tình trạng hôn nhân của chị H và anh T, hai người đã sống ly thân một năm nay, chị H xác định chị và anh T không đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T vẫn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết được nội dung chị H yêu cầu giải quyết, nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm gửi về Tòa án. Tài liệu xác minh cho thấy, chị H và anh T đã sống ly thân một năm nay. Vì vậy HĐXX tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy đinh tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

-*Về con chung*: chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị T1 - sinh ngày 22/6/2007, Nguyễn Văn T2 - sinh ngày 12/7/2011 và Nguyễn Văn T3 - sinh ngày 07/01/2015; con Nguyễn Thị T1 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, nên không giải quyết, còn hai con T2 và T3, chị H đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T3, giao cho anh T trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, xét thấy đề nghị này của chị Huyền phù H1 nguyện vọng của các con và phù hợp điều kiện sống của chị H và anh T, nên yêu cầu giải quyết về con khi ly hôn theo đề nghị của chị H được chấp nhận.

-*Về tài sản chung, nợ chung*: đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí*: nguyên đơn là chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H.

-Về tình cảm: chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Về con chung: giao cho chị Vũ Thị H quyền trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T3 - sinh ngày 07/01/2015, giao cho anh Nguyễn Văn T quyền trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T2 - sinh ngày 12/7/2011 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Thị T1 - sinh ngày 22/6/2007 đã trưởng thành và phát triển bình thường, Tòa án không giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

-Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 *đồng (Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Vũ Thị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001512 ngày 24/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ninh, chị Vũ Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh Quảng Ninh.*
*- VKSND khu vực 2 – Quảng Ninh*
*- UBND phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh;*
*-THA dân sự khu vực 2-Quảng Ninh*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ; VP*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Minh Ngà**

***Ngà***